

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

(BỘ PHẬN XỔ SỔ + XÍ NGHIỆP IN TÀI CHÍNH)



MỤC LỤC

----- oOo -----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 03
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 09
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	10
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11
6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12 - 38

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Ban Tổng Giám đốc trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

1. Thông tin chung về Công ty

Thành lập

Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tp. HCM tiền thân là Công ty Xổ số kiến thiết Tp. HCM được chuyển đổi sang mô hình Công ty TNHH một thành viên. Công ty thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300507182 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 05 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 11 tháng 04 năm 2025 về thay đổi thông tin người đại diện pháp luật.

Theo quyết định số 4608/QĐ-UBND ngày 06 tháng 09 năm 2012 của Ủy ban Nhân dân Tp. HCM, Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tp. HCM được chuyển đổi trở thành doanh nghiệp thành viên của Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước để thực hiện thí điểm chức năng đại diện Chủ sở hữu vốn Nhà Nước.

Hình thức sở hữu vốn: Vốn ngân sách Nhà nước.

Thông tin về chủ sở hữu

Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tp. HCM là doanh nghiệp thành viên của Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Tp. Hồ Chí Minh (HFIC).

Hoạt động kinh doanh của Công ty

- Xổ số kiến thiết - hoạt động chính tại Công ty Xổ số;
- In vé số kiến thiết, lịch ảnh cao cấp, biểu mẫu, hóa đơn, chứng từ và các ấn phẩm khác của ngành tài chính;
- Mua bán nguyên vật liệu ngành in và xổ số, mua bán giấy các loại;
- Mua bán máy móc, thiết bị ngành in và xổ số;
- Kinh doanh bất động sản; đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp - khu dân cư.

Tên tiếng Anh: HO CHI MINH CITY LOTTERY COMPANY LIMITED.

Tên viết tắt: HCL CO., LTD

Trụ sở chính: 77 Trần Nhân Tôn, Phường An Đông, Tp. Hồ Chí Minh.

Chi nhánh: Xí nghiệp In tài chính - Lô A1-A2 Đường A, Cụm Công Nghiệp - Khu dân cư Nhị Xuân, Ấp 25, xã Xuân Thới Sơn, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

3. Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

Hội đồng thành viên

Ông Nguyễn Quốc Chiến	Chủ tịch Hội đồng thành viên
Ông Võ Văn Tuấn	Thành viên
Ông Huỳnh Văn Vinh	Thành viên
Ông Trương Vĩnh Tùng	Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 06/03/2025)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

3. Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng (tiếp theo)

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Công Tĩnh	Kiểm soát viên
Ông Trương Minh Trí	Kiểm soát viên (bổ nhiệm từ ngày 15/10/2025)

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Trương Vĩnh Tùng	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 06/03/2025)
Bà Phan Thị Sang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Đức Sơn	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 21/01/2026)
Bà Nguyễn Thị Mai Trang	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính

Ông Trương Vĩnh Tùng	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 06/03/2025)
----------------------	---

Theo Quyết định số 5157 ngày 01/12/2023 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, ông Nguyễn Quốc Chiến được chỉ định làm người đại diện theo pháp luật của Công ty đến khi có quyết định bổ nhiệm Tổng giám đốc mới.

Theo Quyết định số 856 ngày 06/03/2025 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, ông Trương Vĩnh Tùng được chỉ định giữ chức vụ Thành viên không chuyên trách Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Xổ số kiến thiết Thành phố Hồ Chí Minh; thời gian giữ chức vụ là 05 năm.

4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC ("MOORE AISC") được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

5. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Tp. HCM, ngày 16 tháng 03 năm 2026



Trương Vĩnh Tùng

Tổng Giám đốc

Số: C0525167-HC/MOORE AISC-DN2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

KÍNH GỬI: HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT TP. HỒ CHÍ MINH

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Xổ sổ Kiến thiết Tp. Hồ Chí Minh, được lập ngày 16 tháng 03 năm 2026, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiên thiết Tp. Hồ Chí Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. HCM, ngày 16 tháng 03 năm 2026

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC



Dương Thị Phương Anh

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0321-2023-005-1

Ngô Thị Hằng Thuý

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 5951-2023-005-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.504.644.962.671	2.894.605.804.955
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.021.825.029.753	942.452.746.732
1. Tiền	111		741.825.029.753	822.452.746.732
2. Các khoản tương đương tiền	112		280.000.000.000	120.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2a	869.544.941.900	1.398.752.054.800
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		869.544.941.900	1.398.752.054.800
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		566.694.218.639	511.551.498.881
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	557.787.288.695	497.512.985.746
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	819.148.071	3.561.787.685
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	8.087.781.873	10.476.725.450
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	38.561.026.560	34.730.239.333
1. Hàng tồn kho	141		38.561.026.560	34.730.239.333
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.019.745.819	7.119.265.209
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10a	8.019.745.819	7.119.265.209
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		387.541.217.771	429.372.334.929
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		114.000.000	5.479.552.885
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	114.000.000	5.479.552.885
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		226.284.408.272	252.069.576.383
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	223.084.726.832	247.387.017.671
- Nguyên giá	222		511.872.623.863	509.578.663.607
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(288.787.897.031)	(262.191.645.936)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	3.199.681.440	4.682.558.712
- Nguyên giá	228		12.659.228.806	12.539.228.806
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.459.547.366)	(7.856.670.094)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.9	118.527.742.535	126.716.633.315
- Nguyên giá	231		204.722.269.514	204.722.269.514
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(86.194.526.979)	(78.005.636.199)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	27.623.239.778	27.803.456.792
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		30.000.000.000	30.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.376.760.222)	(2.196.543.208)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		14.991.827.186	17.303.115.554
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10b	14.991.827.186	17.303.115.554
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.892.186.180.442	3.323.978.139.884

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.595.572.180.442	2.027.364.139.884
I. Nợ ngắn hạn	310		1.419.492.255.041	1.813.000.129.709
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.11	57.849.596.505	49.148.900.768
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	209.806.520.001	112.105.120.090
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13a	1.063.583.801.565	1.577.076.877.771
4. Phải trả người lao động	314	V.14	40.176.346.162	33.917.217.238
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	293.418.864	386.624.798
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16	296.666.820	296.666.820
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	16.603.108.442	11.071.412.718
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	30.882.796.682	28.997.309.506
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		176.079.925.401	214.364.010.175
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	11.189.695.435	12.921.829.810
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng rủi ro trả thưởng	342	V.18	21.889.684.510	58.441.634.909
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		143.000.545.456	143.000.545.456


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.296.614.000.000	1.296.614.000.000
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	1.296.614.000.000	1.296.614.000.000
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.296.614.000.000	1.296.614.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		-	-
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.892.186.180.442	3.323.978.139.884

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Kim Tuyền

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Mai Trang

Tp. HCM, ngày 16 tháng 03 năm 2026



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trương Vĩnh Tùng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	14.227.088.744.992	12.865.723.832.985
2. Doanh thu XN In xuất cho BP Xổ số	01a	VI.2	138.501.070.000	123.769.265.593
3. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.3	1.809.089.249.229	1.635.533.325.376
4. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 01a - 02)	10	VI.4	12.279.498.425.763	11.106.421.242.016
5. Chi phí kinh doanh XS + Giá vốn hàng bán	11	VI.5	10.228.011.470.276	9.187.867.184.122
6. Giá vốn XN In xuất cho BP Xổ số	11a	VI.6	138.501.070.000	123.769.265.593
7. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11 + 11a)	20		2.189.988.025.487	2.042.323.323.487
8. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.7	50.519.447.643	45.139.527.714
9. Chi phí tài chính	22	VI.8	180.217.014	(73.143.633)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
10. Chi phí bán hàng	25	VI.9a	2.191.518.237	1.798.602.931
11. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.9b	177.816.939.205	159.343.587.592
13. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		2.060.318.798.674	1.926.393.804.311
14. Thu nhập khác	31	VI.10	43.808.960.336	304.503.771.051
15. Chi phí khác	32	VI.11	109.936.561.353	1.557.901.556
16. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(66.127.601.017)	302.945.869.495
17. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.994.191.197.657	2.229.339.673.806
18. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.13	424.919.030.775	448.871.827.272
19. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
20. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		1.569.272.166.882	1.780.467.846.534

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Kim Tuyền

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Mai Trang



Trương Vĩnh Tùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ


(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	13.601.230.301.339	12.185.052.067.606
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(8.040.366.249.585)	(7.149.998.607.139)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(115.789.518.012)	(110.115.350.611)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	-	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(497.557.633.128)	(365.041.849.440)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	22.311.448.990	26.735.397.778
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(5.467.792.208.533)	(4.183.174.261.672)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(497.963.858.929)	403.457.396.522
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(4.794.183.602)	(13.974.134.683)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.070.792.887.100)	(898.117.597.992)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.600.000.000.000	376.259.128.101
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	52.923.212.652	47.086.326.959
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	577.336.141.950	(488.746.277.615)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	79.372.283.021	(85.288.881.093)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	942.452.746.732	1.027.741.627.825
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	1.021.825.029.753	942.452.746.732

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Kim Tuyền

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Mai Trang

Tp. HCM, ngày 16 tháng 03 năm 2026



Trương Vĩnh Tùng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Thông tin chung về Công ty****Thành lập**

Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tp. HCM tiền thân là Công ty Xổ số kiến thiết Tp. HCM được chuyển đổi sang mô hình Công ty TNHH một thành viên. Công ty thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300507182 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 05 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 11 tháng 04 năm 2025 về thay đổi thông tin người đại diện pháp luật.

Theo quyết định số 4608/QĐ-UBND ngày 06 tháng 09 năm 2012 của Ủy ban Nhân dân Tp. HCM, Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tp. HCM được chuyển đổi trở thành doanh nghiệp thành viên của Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước để thực hiện thí điểm chức năng đại diện Chủ sở hữu vốn Nhà Nước.

Hình thức sở hữu vốn và thông tin về chủ sở hữu

Vốn ngân sách Nhà nước.

Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tp. HCM là doanh nghiệp thành viên của Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Tp. Hồ Chí Minh (HFIC).

Chi nhánh: Xí nghiệp In Tài chính.

Tên tiếng Anh: HO CHI MINH CITY LOTTERY COMPANY LIMITED.

Tên viết tắt: HCL CO.,LTD

Trụ sở chính: 77 Trần Nhân Tôn, Phường An Đông, Tp. Hồ Chí Minh.

Chi nhánh: Xí nghiệp In tài chính - Lô A1-A2 Đường A, Cụm Công Nghiệp - Khu dân cư Nhị Xuân, Ấp 25, xã Xuân Thới Sơn, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Dịch vụ và sản xuất.**3. Ngành nghề kinh doanh**

- Xổ số kiến thiết - hoạt động chính tại Công ty Xổ số;
- In vé số kiến thiết, lịch ảnh cao cấp, biểu mẫu, hóa đơn, chứng từ và các ấn phẩm khác của ngành tài chính;
- Mua bán nguyên vật liệu ngành in và xổ số, mua bán giấy các loại;
- Mua bán máy móc, thiết bị ngành in và xổ số;
- Kinh doanh bất động sản; đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp - khu dân cư.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có.**6. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2025:** 376 nhân viên. (Ngày 31 tháng 12 năm 2024: 377 nhân viên)**7. Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc**

Xí nghiệp In Tài chính. Địa chỉ tại Lô A1-A2 Đường A, Cụm Công Nghiệp - Khu dân cư Nhị Xuân, Ấp 25, xã Xuân Thới Sơn, Tp. Hồ Chí Minh.

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Niên độ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty áp dụng các Chế độ kế toán doanh nghiệp đặc thù được Bộ Tài chính chấp thuận theo Thông tư 168/2009/TT-BTC ngày 19 tháng 08 năm 2009 của Bộ Tài Chính; Thông tư 75/2013/TT-BTC ngày 04 tháng 06 năm 2013 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc hướng dẫn kế toán và hoạt động đối với Công ty Xổ số Kiến thiết.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư 200/2014/TT-BTC cũng như thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chế độ kế toán doanh nghiệp đặc thù được Bộ Tài chính chấp thuận theo Thông tư 168/2009/TT-BTC ngày 19 tháng 08 năm 2009 của Bộ Tài Chính; Thông tư 75/2013/TT-BTC ngày 04 tháng 06 năm 2013 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc hướng dẫn kế toán và hoạt động đối với Công ty Xổ số Kiến thiết.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc kế toán đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản Công ty đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- **Phải thu của khách hàng** phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

- **Phải thu nội bộ** phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

- **Phải thu khác** phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán: Công ty ước tính phần giá trị bị tổn thất và trích lập dự phòng theo quy định hiện hành.

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho (tiếp theo)**Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:**

- **Nguyên vật liệu, hàng hóa:** bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- **Thành phẩm:** bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- **Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang:** chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh thực tế trong quá trình sản xuất theo sản phẩm chưa hoàn thành.
- **Hàng gửi đi bán:** phản ánh giá trị của hàng hóa, thành phẩm đã gửi đi cho khách hàng, gửi bán đại lý, ký gửi, dịch vụ đã hoàn thành bán giao cho khách hàng theo hợp đồng kinh tế hoặc đơn đặt hàng, nhưng chưa được xác định là đã bán (chưa được tính là doanh thu bán hàng trong kỳ đối với số hàng hóa, thành phẩm đã gửi đi, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng)
- **Vé xổ số:** phản ánh giá trị thực tế hiện có và tình hình biến động của loại vé xổ số truyền thống và vé xổ số lô tô. Giá thực tế của vé xổ số thuê ngoài in, bao gồm: giá trị giấy in xuất thuê ngoài in cộng (+) với chi phí thuê ngoài in và chi phí vận chuyển, bốc xếp (nếu bên thuê in chịu chi phí).

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá bình quân gia quyền.**Hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên.**Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)**5.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

5.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

<i>Nhà xưởng, vật kiến trúc</i>	06 - 25 năm
<i>Máy móc, thiết bị</i>	05 - 15 năm
<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	06 - 10 năm
<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	03 - 08 năm
<i>Phần mềm quản lý</i>	04 năm

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như: chi phí mua sắm thiết bị và các chi phí khác.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Nguyên tắc ghi nhận Bất động sản đầu tư: được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư: Là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư tự xây dựng là giá thành thực tế và các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư tính đến ngày hoàn thành công việc.

Chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Phương pháp khấu hao Bất động sản đầu tư: khấu hao được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư đó.

Thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản đầu tư như sau:

<i>Nhà xưởng, vật kiến trúc</i>	25 năm
---------------------------------	--------

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ trên 12 tháng đến 36 tháng.

Tiền thuê đất trả trước: Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê đất.

Chi phí trả trước khác: chi phí lắp đặt, bảo trì, gia hạn phần mềm xổ số, chi phí sửa chữa văn phòng... đã phát sinh và được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ trên 12 tháng đến 36 tháng.

9. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- **Phải trả người bán** phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Xí nghiệp.
- **Phải trả nội bộ** phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- **Phải trả khác** phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

11. Nguyên tắc ghi nhận dự phòng trả thưởng

Dự phòng trả thưởng: việc trích lập dự phòng rủi ro trả thưởng thực hiện theo Nghị định 122/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số.

Dự phòng rủi ro trả thưởng được tính bằng Tổng doanh thu có thuế của từng loại hình xổ số nhân tỷ lệ trả thưởng kế hoạch trong năm tài chính trừ giá trị trả thưởng thực tế đã thanh toán cho khách hàng trúng thưởng của từng loại hình xổ số trong năm trích lập. Đối với các công ty xổ số kiến thiết hoạt động kinh doanh tại khu vực miền Nam, mức trích lập phải đảm bảo tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng tối đa không vượt quá 3% tổng doanh thu có thuế của tất cả các loại hình xổ số được phép trích lập tại thời điểm trích lập.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Nguyên tắc ghi nhận dự phòng trả thưởng (tiếp theo)

Doanh nghiệp kinh doanh xổ số sử dụng quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng để trả thưởng khi tỷ lệ trả thưởng thực tế trong kỳ lớn hơn tỷ lệ trả thưởng kế hoạch. Trường hợp quỹ dự phòng trả thưởng không còn đủ để chi thì phần trả thưởng thực tế còn lại được tính vào chi phí kinh doanh. Số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng sử dụng không hết được chuyển sang kỳ sau. Doanh nghiệp kinh doanh xổ số có số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng đã trích lập trong kỳ vượt giới hạn quy định thì phải hoàn nhập vào thu nhập khác.

12. Nguyên tắc ghi nhận quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Việc trích lập và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được Công ty thực hiện theo quy định hiện hành.

Trong thời hạn 05 (năm) năm kể từ khi trích lập mà Quỹ phát triển khoa học và công nghệ không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích thì Công ty phải nộp ngân sách Nhà nước phần thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên khoản thu nhập đã trích lập quỹ mà không sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích và phần lãi phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp đó.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành do Nhà nước giao vốn, được điều động từ các doanh nghiệp trong nội bộ Tổng công ty, vốn do công ty mẹ đầu tư vào công ty con, các khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản hoặc được bổ sung từ các quỹ, được trích từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh. Vốn góp được ghi nhận theo sổ vốn Ngân sách Nhà nước giao.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ theo quy định tại Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu kinh doanh xổ số: Doanh thu bán vé xổ số được ghi nhận theo số lượng vé số thực bán (Tổng số lượng vé số giao đại lý trừ đi số lượng vé ế được chốt trước thời điểm mở thưởng 30 phút do các đại lý trả về)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, dịch vụ cung cấp trong kỳ. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

Giá vốn kinh doanh xổ số: Do đặc thù của nghiệp vụ kinh doanh xổ số, chi phí trả thưởng được ghi nhận tại thời điểm thực chi, nhưng thời gian có hiệu lực của các vé số trúng tối đa không quá 30 ngày kể từ ngày mở thưởng cho nên chi phí trả thưởng có thể được ghi nhận vào kỳ kế toán tiếp theo không cùng với kỳ ghi nhận doanh thu.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách Nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 20%.

Công ty đã được thanh tra kiểm tra thuế đến năm 2024.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

18. Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thì hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

19. Các bên liên quan

Thông tin về các bên liên quan tại công ty như sau:

(i) Những Công ty kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với công ty chủ sở hữu;

(ii) Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

20. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2025	01/01/2025
Tiền	741.825.029.753	822.452.746.732
Tiền mặt	12.719.365.706	13.627.738.626
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	729.105.664.047	808.825.008.106
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam (*)	393.133.827.162	587.219.328.602
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	44.347.676	283.800.933
Ngân hàng TMCP Phát triển Tp. Hồ Chí Minh	217.518.462.198	206.082.377.805
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	93.484.258.927	7.758.414
Ngân hàng khác	24.924.768.084	15.231.742.352
Các khoản tương đương tiền	280.000.000.000	120.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn 01 - 03 tháng (**)	280.000.000.000	120.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam	200.000.000.000	100.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	80.000.000.000	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	-	20.000.000.000
Cộng	1.021.825.029.753	942.452.746.732

(*) Tại ngày 31/12/2025, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Trung tâm và Chi nhánh Ba Tháng Hai đã được phong tỏa số tiền là 14.405.645.416 VND để phát hành thư bảo lãnh cho Xí nghiệp In Tài chính dự thầu in vé số cho các khách hàng Công ty Xổ số kiến thiết.

(**) Tại ngày 31/12/2025, các khoản tương đương tiền là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn từ 01 - 03 tháng tại các ngân hàng TMCP với lãi suất 4,75%/năm.

2. Các khoản đầu tư tài chính: (xem trang 35).

3. Phải thu của khách hàng	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	557.787.288.695	-	497.512.985.746	-
Khách hàng trong nước	557.787.288.695	-	497.512.985.746	-
Công nợ đại lý vé số Công ty XSKT Bình Thuận	550.842.605.746	-	492.154.025.746	-
Thuận	6.804.000.000	-	5.358.960.000	-
Các khách hàng khác	140.682.949	-	-	-
Cộng	557.787.288.695	-	497.512.985.746	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nhà cung cấp trong nước	819.148.071	-	3.561.787.685	-
<i>Công ty Cổ phần Phát triển Công Nghệ Techpro</i>	-	-	2.160.584.981	-
<i>Công ty TNHH Thương Mại - Dịch Vụ - Xây Dựng Hưng Thịnh</i>	154.739.670	-	154.739.670	-
<i>Công ty CP Bán lẻ Kỹ thuật số FPT</i>	92.448.000	-	146.275.800	-
<i>Nhà cung cấp khác</i>	571.960.401	-	1.100.187.234	-
Cộng	819.148.071	-	3.561.787.685	-
5. Phải thu khác	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	8.087.781.873	-	10.476.725.450	-
Phải thu thuế TNCN của nhân viên công ty	346.850.166	-	423.024.860	-
Lãi dự thu các Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	7.307.311.701	-	9.520.981.314	-
Ký quỹ bảo lãnh Hợp đồng in vé số Lâm Đồng	153.693.651	-	-	-
Ký quỹ bảo lãnh Hợp đồng in vé số Đắk Nông	139.348.755	-	-	-
Tạm ứng cho nhân viên	119.400.000	-	127.354.000	-
Phải thu Xổ số Khu vực	-	-	384.403.877	-
Phải thu khác	21.177.600	-	20.961.399	-
b. Dài hạn	114.000.000	-	5.479.552.885	-
Ký cược, ký quỹ dài hạn	114.000.000	-	5.479.552.885	-
<i>Ký quỹ bảo lãnh Hợp đồng in vé số Bình Thuận</i>	-	-	2.762.424.000	-
<i>Ký quỹ bảo lãnh Hợp đồng in vé số Lâm Đồng</i>	-	-	919.772.885	-
<i>Ký quỹ bảo lãnh Hợp đồng in vé số Vũng Tàu</i>	-	-	794.124.000	-
<i>Ký cược dài hạn khác</i>	114.000.000	-	1.003.232.000	-
Cộng	8.201.781.873	-	15.956.278.335	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Hàng tồn kho	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	11.303.684.216	-	12.993.893.581	-
Công cụ, dụng cụ	323.313.999	-	168.548.999	-
Chi phí SX, KD dở dang	15.324.507.094	-	16.619.903.653	-
Hàng gửi bán	1.830.085.101	-	995.605.935	-
Vé xổ số	9.779.436.150	-	3.952.287.165	-
Cộng	38.561.026.560	-	34.730.239.333	-

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: không có.
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: không có.

7. Tài sản cố định hữu hình: (xem trang 36).

8. Tài sản cố định vô hình	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Khoản mục		
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	12.539.228.806	12.539.228.806
<i>Mua trong năm</i>	120.000.000	120.000.000
Số dư cuối năm	12.659.228.806	12.659.228.806
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	7.856.670.094	7.856.670.094
<i>Khấu hao trong năm</i>	1.602.877.272	1.602.877.272
Số dư cuối năm	9.459.547.366	9.459.547.366
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	4.682.558.712	4.682.558.712
Số dư cuối năm	3.199.681.440	3.199.681.440

* Giá trị còn lại của TSCĐVH đã dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản vay: không có.

* Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 6.217.719.716 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9. Bất động sản đầu tư cho thuê

Khoản mục	Nhà cửa	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	204.722.269.514	204.722.269.514
Số dư cuối năm	204.722.269.514	204.722.269.514
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	78.005.636.199	78.005.636.199
<i>Khấu hao trong năm</i>	8.188.890.780	8.188.890.780
Số dư cuối năm	86.194.526.979	86.194.526.979
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	126.716.633.315	126.716.633.315
Số dư cuối năm	118.527.742.535	118.527.742.535

* Giá trị còn lại cuối năm của BĐSĐT cho thuê dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: không có.

* Nguyên giá BĐSĐT đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê: không có.

	31/12/2025	01/01/2025
10. Chi phí trả trước		
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	8.019.745.819	7.119.265.209
Chi phí bảo trì phần mềm xổ số cao	7.087.191.358	6.708.333.333
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	932.554.461	410.931.876
b. Chi phí trả trước dài hạn	14.991.827.186	17.303.115.554
Chi phí thuê đất tại KCN Nhị Xuân (*)	11.996.678.688	12.341.152.608
Chi phí lắp đặt, gia hạn tường lửa	265.327.791	2.029.767.917
Chi phí sửa chữa văn phòng, cải tạo, trang trí	845.126.996	2.144.660.828
Chi phí cải tạo, sửa chữa 717 Trần Hưng Đạo	757.053.005	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.127.640.706	787.534.201
Cộng	23.011.573.005	24.422.380.763

(*) Đây là khoản chi phí trả trước về việc thuê đất tại Cụm KCN Nhị Xuân theo Hợp đồng nguyên tắc số 47/HĐ-CCNNX ký ngày 31/12/2007 và Hợp đồng số 16/HĐ-CCNNX ký ngày 03/08/2010, với thời gian thuê đất từ ngày 31/12/2007 đến hết ngày 09/01/2058.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Phải trả người bán	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	57.849.596.505	57.849.596.505	49.148.900.768	49.148.900.768
Nhà cung cấp trong nước	57.849.596.505	57.849.596.505	49.148.900.768	49.148.900.768
Hoa hồng vé số truyền thống cho đại lý	40.374.448.110	40.374.448.110	37.089.512.280	37.089.512.280
Hoa hồng bán vé số cào cho đại lý	2.859.252.185	2.859.252.185	2.492.190.007	2.492.190.007
Công ty CP Phát triển Công nghệ TECHPRO	6.078.716.851	6.078.716.851	805.000.000	805.000.000
Công ty CP Giấy Toàn Lực	6.067.167.840	6.067.167.840	1.460.332.800	1.460.332.800
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu CS	466.694.865	466.694.865	5.864.686.498	5.864.686.498
Các nhà cung cấp khác	2.003.316.654	2.003.316.654	1.437.179.183	1.437.179.183
Cộng	57.849.596.505	57.849.596.505	49.148.900.768	49.148.900.768
12. Người mua trả tiền trước			31/12/2025	01/01/2025
Ngắn hạn			209.806.520.001	112.105.120.090
Khách hàng trong nước			209.806.520.001	112.105.120.090
Đại lý vé số truyền thống			209.386.380.000	112.104.720.000
Đại lý vé số cào			419.600.001	400.090
Khách hàng thuê VP trả tiền trước			540.000	-
Cộng			209.806.520.001	112.105.120.090
13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước				
Phải nộp	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2025
Thuế giá trị gia tăng	110.464.936.112	1.386.865.281.167	1.377.898.178.446	119.432.038.833
Thuế tiêu thụ đặc biệt	146.524.588.885	1.809.089.249.229	1.797.422.526.658	158.191.311.456
Thuế thu nhập DN	206.946.350.730	424.919.030.775	497.557.633.128	134.307.748.377
Thuế thu nhập cá nhân	39.605.063.217	496.748.354.313	490.076.607.422	46.276.810.108
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	399.676.384	9.109.344.106	9.509.020.490	-
Các loại thuế khác	1.736.776.000	1.000.000	1.000.000	1.736.776.000
Thu Tài Chính sau thuế	1.071.399.486.443	1.536.207.476.882	2.003.967.846.534	603.639.116.791
Cộng	1.577.076.877.771	5.662.939.736.472	6.176.432.812.678	1.063.583.801.565

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước (tiếp theo)**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho kinh doanh xổ số, cho thuê văn phòng

Mức thuế suất
10%

- Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho gia công in và các biểu mẫu

10%

Trong năm 2025, dịch vụ, thành phẩm do Công ty cung cấp được giảm thuế suất GTGT xuống còn 8% theo Nghị quyết 174/2024/QH15 ngày 30/11/2024 được hướng dẫn tại Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 áp dụng từ ngày 01/01/2025 đến 30/06/2025 và Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17/06/2025 được hướng dẫn tại Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025 áp dụng từ ngày 01/07/2025 đến 31/12/2026.

Thuế tiêu thụ đặc biệt

Thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt cho từng hoạt động kinh doanh như sau:

Kinh doanh xổ số

Mức thuế suất
15%**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

Mức thuế suất
20%**Tiền thuê đất**

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê như sau:

Vị trí đất

77 Trần Nhân Tôn, Phường An Đông, Tp. HCM (3210,1 m2)

Mức tiền thuê
1.083.600 VND/m2

717 Trần Hưng Đạo, Phường Chợ Quán, Tp. HCM (1626,2 m2)

443.727 VND/m2

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Phải trả người lao động

Phải trả lương Cấp Quản lý

31/12/2025**01/01/2025**

2.303.880.000

3.205.235.900

Phải trả lương Cán bộ - Công nhân viên

37.872.466.162

30.711.981.338

Cộng**40.176.346.162****33.917.217.238**

Từ 01/01/2025 đến 31/07/2025, Quỹ tiền lương được tính toán và chi trả cho Thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng (Ban điều hành Công ty) và Người lao động theo Nghị định 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 được hướng dẫn tại Thông tư 003/2025/TT-BNV ngày 28/04/2025. Cụ thể, thực hiện tách bạch tiền lương, thù lao của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên với tiền lương của Ban điều hành và người lao động, trong đó tiền lương của Ban điều hành được tính chung với quỹ tiền lương của Người lao động. Từ ngày 01/08/2025, tiền lương của hành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Ban điều hành, Người lao động của Công ty được xác định theo Nghị định 248/2025/NĐ-CP ngày 15/09/2025 và quy chế trả lương của Công ty.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

Trích trước chi phí công trình Xí nghiệp In Tài chính theo dự toán

31/12/2025**01/01/2025**

207.063.864

207.063.864

Các khoản trích trước khác

86.355.000

179.560.934

Cộng**293.418.864****386.624.798**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	31/12/2025	01/01/2025
16. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		
Doanh thu cho thuê văn phòng chưa thực hiện	296.666.820	296.666.820
Cộng	296.666.820	296.666.820
17. Phải trả khác		
a. Ngắn hạn	16.603.108.442	11.071.412.718
Bảo hiểm xã hội	3.450.542.812	-
Bảo hiểm y tế	608.943.066	-
Bảo hiểm thất nghiệp	270.775.928	-
Nhận ký cược ngắn hạn	120.000.000	60.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	12.152.846.636	11.011.412.718
+ Phải trả Công ty CP ĐT KCN Đô thị Hóc Môn	10.589.647.718	10.589.647.718
+ Phải trả kinh phí hoạt động xổ số kiến thiết KV Miền Nam	381.249.123	-
+ Khoản hỗ trợ khen thưởng cho người lao động	238.000.000	410.000.000
+ Phải trả khác	943.949.795	11.765.000
Cộng	16.603.108.442	11.071.412.718
b. Dài hạn	11.189.695.435	12.921.829.810
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	11.189.695.435	12.921.829.810
Tiền nhận ký cược thuê văn phòng	11.189.695.435	12.921.829.810
Cộng	11.189.695.435	12.921.829.810
18. Dự phòng rủi ro trả thưởng dài hạn		
Dự phòng rủi ro trả thưởng	21.889.684.510	58.441.634.909
Cộng	21.889.684.510	58.441.634.909
19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		
Số đầu năm	28.997.309.506	20.052.160.192
Tăng do trích lập từ lợi nhuận và các khoản khác	34.110.290.000	28.922.193.988
Chi quỹ	32.224.802.824	19.977.044.674
Số cuối năm	30.882.796.682	28.997.309.506
20. Vốn chủ sở hữu		
a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu (xem trang 37).		
b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp của Nhà nước	1.296.614.000.000	1.296.614.000.000
Cộng	1.296.614.000.000	1.296.614.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

20. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và chia lợi nhuận**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn góp đầu năm

Vốn góp cuối năm

Năm 2025

Năm 2024

1.296.614.000.000

1.296.614.000.000

1.296.614.000.000

1.296.614.000.000

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Tài sản nhận giữ hộ

31/12/2025

Giấy nhận giữ hộ Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Lâm Đồng

Số lượng

Chủng loại

Quy cách

Phẩm chất

1.260,000

Giấy

Ram

Bình thường

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Doanh thu kinh doanh xổ số (truyền thống, cào)

Doanh thu kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng

Doanh thu hoạt động kinh doanh ngành in

Cộng

Năm 2025

Năm 2024

13.869.684.245.672

12.539.088.827.166

59.367.739.042

68.292.956.575

298.036.760.278

258.342.049.244

14.227.088.744.992

12.865.723.832.985

2. Doanh thu XN In xuất cho BP Xổ số

Doanh thu hoạt động kinh doanh ngành in

Cộng

Năm 2025

Năm 2024

138.501.070.000

123.769.265.593

138.501.070.000

123.769.265.593

3. Các khoản giảm trừ doanh thu

Thuế TTĐB của xổ số (truyền thống, cào)

Cộng

Năm 2025

Năm 2024

1.809.089.249.229

1.635.533.325.376

1.809.089.249.229

1.635.533.325.376

4. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu thuần kinh doanh xổ số (truyền thống + cào)

Doanh thu thuần kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng

Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh ngành in

Cộng

Năm 2025

Năm 2024

12.060.594.996.443

10.903.555.501.790

59.367.739.042

68.292.956.575

159.535.690.278

134.572.783.651

12.279.498.425.763

11.106.421.242.016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2025	Năm 2024
5. Chi phí kinh doanh		
Chi phí kinh doanh xổ số	9.965.204.381.316	8.951.289.890.359
Giá vốn của dịch vụ cho thuê văn phòng	24.716.531.341	25.743.337.250
Giá vốn hoạt động kinh doanh ngành in	238.090.557.619	210.833.956.513
Cộng	10.228.011.470.276	9.187.867.184.122
6. Giá vốn XN In xuất cho BP Xổ số		
Chi phí về vé xổ số	138.501.070.000	123.769.265.593
Cộng	138.501.070.000	123.769.265.593
7. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi	50.519.447.643	45.139.527.714
Cộng	50.519.447.643	45.139.527.714
8. Chi phí tài chính		
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) tổn thất đầu tư	180.217.014	(73.143.633)
Cộng	180.217.014	(73.143.633)
9. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
a. Chi phí bán hàng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.191.518.237	1.510.916.000
Chi phí bằng tiền khác	-	287.686.931
Cộng	2.191.518.237	1.798.602.931
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	94.273.668.422	81.764.125.548
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.007.800.295	2.619.202.946
Chi phí sửa chữa, bảo trì, đồ dùng văn phòng	1.114.815.356	1.002.651.808
Chi phí khấu hao TSCĐ	13.780.856.464	12.553.255.771
Thuế, phí, lệ phí	9.120.236.490	4.204.126.386
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.180.568.619	10.071.414.873
Chi phí bằng tiền khác	43.338.993.559	47.128.810.260
Cộng	177.816.939.205	159.343.587.592

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2025	Năm 2024
10. Thu nhập khác		
Thu thanh lý TSCĐ	619.326.818	-
Thu từ khoản phạt vi phạm hợp đồng	3.322.042.500	-
Hoàn nhập dự phòng rủi ro trả thường	38.036.114.873	254.497.001.006
Hoàn nhập Quỹ Khoa học công nghệ	-	48.000.000.000
Bán giấy vụn, phế liệu và nhượng bán NVL	1.536.648.846	1.663.603.232
Các khoản khác	294.827.299	343.166.813
Cộng	43.808.960.336	304.503.771.051
11. Chi phí khác		
Tiền phạt, chậm nộp thuế (*)	109.745.098.042	259.261.556
Chậm nộp do hoàn nhập Quỹ khoa học công nghệ	-	1.220.640.000
Các khoản khác	191.463.311	78.000.000
Cộng	109.936.561.353	1.557.901.556
(*) Trong năm, Công ty đã thực hiện nộp và ghi nhận vào chi phí khoản phạt vi phạm hành chính theo Quyết định số: 990/QĐ-CT ngày 18/3/2025 của Cục thuế.		
12. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	140.937.749.398	125.183.825.352
Chi phí nhân công	156.059.924.869	135.343.256.574
Chi phí khấu hao tài sản cố định	38.696.962.626	40.908.360.405
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.311.683.425.740	2.077.832.670.638
Chi phí khác bằng tiền	7.760.641.865.085	6.969.741.261.676
Cộng	10.408.019.927.718	9.349.009.374.645
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.994.191.197.657	2.229.339.673.806
2. Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	130.403.956.232	15.019.462.551
3. Thu nhập chịu thuế năm hiện hành (1) + (2)	2.124.595.153.889	2.244.359.136.357
4. Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (3) x (4)	424.919.030.775	448.871.827.272

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VII. MỤC TIÊU VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các khoản tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau:

	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Năm nay		
VND	+100	18.913.699.717
VND	-100	(18.913.699.717)
Năm trước		
VND	+100	23.412.048.015
VND	-100	(23.412.048.015)

Mức tăng/ giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao hơn không đáng kể so với các năm trước.

2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

VIII. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Xem bảng trình bày trang 38.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính dài hạn chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và 31 tháng 12 năm 2024. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

IX. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có.

X. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**

Công ty hiện có 2 mặt bằng có hợp đồng thuê đất còn thời hạn với Nhà nước ở các khu đất tọa lạc ở Phường An Đông và Phường Chợ Quán. Hình thức nộp tiền thuê đất hằng năm với đơn giá theo quy định.

Ngoài những khoản nêu trên, Công ty không có những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác ảnh hưởng đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính.

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngày 06/02/2026, Công ty đã khởi kiện Cục thuế đề nghị hủy toàn bộ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 990/QĐ-CT ngày 18/03/2025 của Cục trưởng Cục thuế ban hành; hủy toàn bộ Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 3567/QĐ-CT ngày 27/11/2025 của Cục trưởng Cục thuế ban hành. Đơn khởi kiện này đã được Tòa án nhân dân Khu vực 3 Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý theo Thông báo số 4/2026/TLST-HC ngày 04/03/2026.

3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: Công ty chủ sở hữu, các thành viên quản lý chủ chốt (các thành viên Hội đồng thành viên và các thành viên Ban điều hành - Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3a. Giao dịch với các bên liên quan**Thu nhập của Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

	Năm 2025	Năm 2024
Thu nhập của Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	Quỹ lương và thù lao	
	<u>7.804.425.188</u>	<u>6.641.335.900</u>

3b. Số dư với các bên liên quan

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các bên liên quan.

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

4.1 Báo cáo bộ phận chính yếu: theo lĩnh vực kinh doanh**a. Báo cáo kết quả kinh doanh bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh niên độ 2025**

Năm 2024, Công ty báo cáo hoạt động theo các bộ phận kinh doanh: Bộ phận kinh doanh xổ số, Bộ phận kinh doanh văn phòng và Bộ phận kinh doanh ngành in. Công ty phân tích doanh thu và giá vốn theo bộ phận như sau:

Bộ phận	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp
Bộ phận kinh doanh xổ số (truyền thống + cào)	12.060.594.996.443	9.965.204.381.316	2.095.390.615.127
Bộ phận kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng	59.367.739.042	24.716.531.341	34.651.207.701
Bộ phận hoạt động kinh doanh ngành in	298.036.760.278	238.090.557.619	59.946.202.659
Cộng	<u>12.417.999.495.763</u>	<u>10.228.011.470.276</u>	<u>2.189.988.025.487</u>

b. Báo cáo kết quả kinh doanh bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh niên độ 2024

Năm 2024, Công ty báo cáo hoạt động theo các bộ phận kinh doanh: Bộ phận kinh doanh xổ số, Bộ phận kinh doanh văn phòng và Bộ phận kinh doanh ngành in. Công ty phân tích doanh thu và giá vốn theo bộ phận như sau:

Bộ phận	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp
Bộ phận kinh doanh xổ số (truyền thống + cào)	10.903.555.501.790	8.951.289.890.359	1.952.265.611.431
Bộ phận kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng	68.292.956.575	25.743.337.250	42.549.619.325
Bộ phận hoạt động kinh doanh ngành in	258.342.049.244	210.833.956.513	47.508.092.731
Cộng	<u>11.230.190.507.609</u>	<u>9.187.867.184.122</u>	<u>2.042.323.323.487</u>

4.2 Báo cáo bộ phận thứ yếu: theo khu vực địa lý

Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh xổ số truyền thống và kinh doanh văn phòng, không có bất kỳ chi nhánh nào. Trụ sở của Công ty tọa lạc ở địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, Công ty không trình bày thuyết minh báo cáo bộ phận.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

6. Thông tin khác

Hiện tại Công ty cũng như các doanh nghiệp kinh doanh xổ số trên phạm vi toàn quốc đang chờ phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ về phương án sắp xếp lại mô hình hoạt động của các doanh nghiệp nêu trên.

Tp. HCM, ngày 16 tháng 03 năm 2026

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Kim Tuyền

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Thị Mai Trang



Trương Vĩnh Tùng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.2. Các khoản đầu tư tài chính**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	869.544.941.900	869.544.941.900	1.398.752.054.800	1.398.752.054.800
Ngân hàng Nông Nghiệp & Phát triển Nông thôn	319.544.941.900	319.544.941.900	378.752.054.800	378.752.054.800
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	80.000.000.000	80.000.000.000	270.000.000.000	270.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương	120.000.000.000	120.000.000.000	270.000.000.000	270.000.000.000
Ngân hàng khác	350.000.000.000	350.000.000.000	480.000.000.000	480.000.000.000
Cộng	869.544.941.900	869.544.941.900	1.398.752.054.800	1.398.752.054.800

(*) Tại ngày 31/12/2025, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 06 - 12 tháng tại các ngân hàng TMCP với lãi suất dao động từ 4,2% đến 6,0%/năm.

b. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào đơn vị khác						
Công ty CP Đầu tư Khu công nghiệp - Đô thị Hóc Môn (*)	30.000.000.000	(2.376.760.222)	27.623.239.778	30.000.000.000	(2.196.543.208)	27.803.456.792
Cộng	30.000.000.000	(2.376.760.222)	27.623.239.778	30.000.000.000	(2.196.543.208)	27.803.456.792

(*) Đây là khoản đầu tư vào Công ty CP Đầu tư Khu công nghiệp - Đô thị Hóc Môn (HOCIN) theo Quyết định số 32/XSKT-QĐ ngày 03/11/2008 của Tổng Giám đốc. Mục đích góp vốn để đầu tư dự án "Xây dựng Khu công nghiệp - dân cư tại xã Bà Điểm và xã Xuân Thới Thượng huyện Hóc Môn". Tuy nhiên dự án đã không tiếp tục được triển khai như phương án ban đầu do một số nguyên nhân khách quan. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty đã trích lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư trên theo quy định.

Theo Quyết định số 227/QĐ-HĐTV ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Công ty Đầu tư tài chính nhà nước Thành phố về phê duyệt đề án cơ cấu lại Công ty TNHH Một thành viên Xổ số kiến thiết Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn hết năm 2025, Công ty đang thực hiện việc thoái vốn khoản đầu tư nêu trên theo quy định Nhà nước.

(*) Giá trị hợp lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 của các khoản đầu tư dài hạn vào các đơn vị chưa đại chúng đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán. Do vậy, Công ty trình bày giá trị hợp lý của khoản đầu tư theo giá gốc trừ dự phòng suy giảm căn cứ vào các Báo cáo tài chính của công ty được đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.7. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	193.476.180.420	297.588.267.409	7.194.573.078	11.247.142.700	72.500.000	509.578.663.607
Mua trong năm	-	3.381.847.996	985.506.993	253.673.738	-	4.621.028.727
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.878.131.380)	(448.937.091)	-	(2.327.068.471)
Số dư cuối năm	193.476.180.420	300.970.115.405	6.301.948.691	11.051.879.347	72.500.000	511.872.623.863
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	73.795.676.392	171.909.720.116	6.357.016.105	10.127.722.907	1.510.416	262.191.645.936
Khấu hao trong năm	7.757.406.228	20.641.364.404	130.181.820	376.242.122	30.208.320	28.935.402.894
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.878.131.380)	(448.937.091)	(12.083.328)	(2.339.151.799)
Số dư cuối năm	81.553.082.620	192.551.084.520	4.609.066.545	10.055.027.938	19.635.408	288.787.897.031
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	119.680.504.028	125.678.547.293	837.556.973	1.119.419.793	70.989.584	247.387.017.671
Số dư cuối năm	111.923.097.800	108.419.030.885	1.692.882.146	996.851.409	52.864.592	223.084.726.832

* Giá trị còn lại của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: không có.

* Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 123.394.844.222 VND.

* Nguyên giá tài sản cố định cuối năm chờ thanh lý: không có.

* Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có.

* Các thay đổi khác về Tài sản cố định hữu hình: không có.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.20. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	1.296.614.000.000	-	1.296.614.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	1.780.467.846.534	1.780.467.846.534
Phân phối lợi nhuận	-	(28.499.193.988)	(28.499.193.988)
Nộp về ngân sách Nhà nước	-	(1.751.968.652.546)	(1.751.968.652.546)
Số dư cuối năm trước	1.296.614.000.000	-	1.296.614.000.000
Số dư đầu năm nay	1.296.614.000.000	-	1.296.614.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	1.569.272.166.882	1.569.272.166.882
Phân phối lợi nhuận	-	(33.064.690.000)	(33.064.690.000)
Nộp về ngân sách Nhà nước	-	(1.536.207.476.882)	(1.536.207.476.882)
Số dư cuối năm nay	1.296.614.000.000	-	1.296.614.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VIII. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2025		31/12/2024		31/12/2025	31/12/2024
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
- Tiền và các khoản tương đương tiền	1.021.825.029.753	-	942.452.746.732	-	1.021.825.029.753	942.452.746.732
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	869.544.941.900	-	1.398.752.054.800	-	869.544.941.900	1.398.752.054.800
- Phải thu khách hàng	557.787.288.695	-	497.512.985.746	-	557.787.288.695	497.512.985.746
- Phải thu khác	7.714.354.107	-	15.384.938.076	-	7.714.354.107	15.384.938.076
TỔNG CỘNG	2.456.871.614.455	-	2.854.102.725.354	-	2.456.871.614.455	2.854.102.725.354
Nợ phải trả tài chính						
- Phải trả người bán	57.849.596.505	-	49.148.900.768	-	57.849.596.505	49.148.900.768
- Phải trả khác và nợ phải trả tài chính khác	22.192.762.017	-	23.958.102.326	-	22.192.762.017	23.958.102.326
TỔNG CỘNG	80.042.358.522	-	73.107.003.094	-	80.042.358.522	73.107.003.094